

(Kèm theo quyết định số: / QĐ-CĐBC ngày: / /)
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng BC Công nghệ & Quản trị doanh nghiệp

Lớp Học: Công nghệ kỹ thuật xây dựng - K11

Ngành: Công nghệ kỹ thuật xây dựng

Hệ ĐT: Cao đẳng chính quy

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		LỚP HỌC	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI (LV,ĐA) TN			TBC TKHOÁ	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
							CHDAT	KTTCTC	KHTTHCM		
1	0810060006	Nguyễn Hữu	Chỉnh	KTCT_11	21/03/1990	Thanh Hóa	5.0	5.0	5.0	6.06	TB khá
2	08101B0018	Nguyễn Thanh	Hòa	KTCT_11	25/05/1990	Bình Thuận	6.0	8.5	5.0	6.28	TB khá
3	0910060001	Phan Đức	Anh	KTCT_11	02/07/1991	Bình Thuận	5.0	5.5	5.0	5.56	TB
4	0910060003	Lê Văn	Biên	KTCT_11	06/04/1989	hanh Hoá	6.0	8.0	5.0	5.82	TB
5	0910060005	Nguyễn Hải	Đăng	KTCT_11	03/09/1991	Tiền Giang	5.0	7.0	6.5	5.83	TB
6	0910060006	Trần Tiến	Đạt	KTCT_11	23/11/1991	ong An	5.0	8.0	6.0	6.00	TB khá
7	0910060008	Lê Hoàng	Du	KTCT_11	26/11/1991	Quảng Nam	6.0	8.5	6.0	6.07	TB khá
8	0910060010	Nguyễn Văn	Dương	KTCT_11	20/09/1991	Đồng Nai	6.0	9.0	5.0	6.16	TB khá
9	0910060011	Phan Thanh	Duy	KTCT_11	21/06/1991	TP Hồ Chí Minh	5.5	8.5	6.5	6.25	TB khá
10	0910060012	Ngô Đăng	Khoa	KTCT_11	27/09/1991	Tiền Giang	5.0	9.0	7.0	6.39	TB khá
11	0910060015	Phạm Xuân	Lượng	KTCT_11	27/07/1991	Nghệ An	5.0	9.0	7.0	5.76	TB
12	0910060016	Huỳnh Minh	Mẫn	KTCT_11	28/06/1988	Kiên Giang	5.0	9.0	7.0	6.23	TB khá
13	0910060018	Trần Ngọc	Nhân	KTCT_11	17/02/1989	Lâm Đồng	6.0	8.5	6.0	5.98	TB
14	0910060019	Trương Minh	Phát	KTCT_11	14/09/1991	Đồng Nai	5.0	9.0	6.0	6.27	TB khá
15	0910060020	Trần Minh	Phát	KTCT_11	23/06/1991	Đồng Nai	6.0	8.0	5.0	6.64	TB khá
16	0910060022	Đặng Viết	Quân	KTCT_11	26/11/1991	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.0	7.0	5.0	6.49	TB khá
17	0910060023	Nguyễn Thanh	Quang	KTCT_11	26/10/1985	Tp Hồ Chí Minh	6.5	8.0	5.0	6.27	TB khá
18	0910060024	Võ Tấn	Quang	KTCT_11	27/05/1990	Bình Thuận	6.0	8.0	5.5	6.22	TB khá
19	0910060025	Lưu Thế	Quyền	KTCT_11	06/07/1990	Đắc Lắc	5.0	7.0	5.0	5.90	TB
20	0910060026	Nguyễn Chu	Sa	KTCT_11	21/11/1991	Bình Định	5.0	8.0	7.0	6.94	TB khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		LỚP HỌC	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI (LV,ĐA) TN			TBC TKHOÁ	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
							CHDAT	KTTCTC	KHTTHCM		
21	0910060028	Nguyễn Minh	Tân	KTCT_11	06/09/1991	Long An	5.0	9.0	6.0	6.20	TB khá
22	0910060029	Nguyễn Tuấn	Thanh	KTCT_11	20/07/1991	Tp Hồ Chí Minh	5.0	9.0	5.0	6.03	TB khá
23	0910060031	Trần Trung	Thùy	KTCT_11	20/04/1990	Nam Định	6.5	8.0	5.0	6.28	TB khá
24	0910060034	Nguyễn Thanh	Toàn	KTCT_11	14/04/1991	Bình Định	6.0	9.0	5.0	6.12	TB khá
25	0910060036	Nguyễn Hoài	Tú	KTCT_11	10/02/1991	Bình Định	6.0	9.0	5.0	6.16	TB khá
26	0910060037	Trần Văn	Tuấn	KTCT_11	20/08/1991	Bình Định	6.0	8.0	5.0	5.76	TB
27	0910060038	Trần Phúc	Xuân	KTCT_11	25/03/1991	Bình Thuận	6.0	8.0	5.0	6.07	TB khá
28	0910060039	Nguyễn Văn	Tốt	KTCT_11	31/03/1991	Quảng Nam	5.0	7.5	6.5	6.01	TB khá
29	0910060040	Trần Văn	Khang	KTCT_11	18/08/1990	Bắc Giang	5.0	7.0	7.5	6.13	TB khá

Tổng Số: 29

TP.Hồ Chí Minh , ngày/..../ 20....
Người lập bảng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Nguyễn Thế Lực